# CƠ SỞ LỊCH SỬ VÀ PHÁP LÝ CỦA "LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN" NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 1946

TS. LÊ HUỲNH HOA

Cách đây 65 năm (19/12/1946 – 19/12/2011), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* - lời hiệu triệu quốc dân đồng bào đứng lên bảo vệ nền độc lập. Kể từ ngày tuyên bố Độc lập 02/9/1945 đến ngày buộc phải cầm súng chiến đấu, với chỉ hơn 1 năm hoạt động, chính quyền non trẻ chưa có đủ thời gian để hoàn thiện tổ chức vì "thù trong, giặc ngoài" đang bủa vây. Trong bối cảnh thực dân Pháp tìm mọi cách thực hiện dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, Hồ Chí Minh – vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã viết *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"* với đầy đủ cơ sở lịch sử và pháp lý kêu gọi toàn dân đứng lên bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

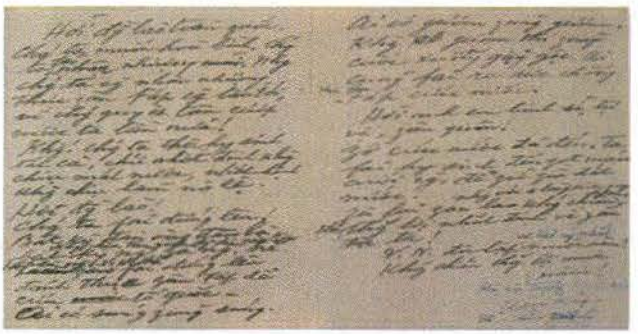

*Bản gốc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến lưu tại Bảo tàng cách mạng Việt Nam*

### 1. Cơ sở lịch sử và pháp lý của *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"*

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của hai quá trình diễn ra song song: dựng nước và giữ nước. Trong đó, thời gian giữ nước nhiều hơn, dài hơn thời gian xây dựng đất nước. Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh vệ quốc và đã giành chiến thắng. Trong những trang sử vẻ vang ấy, có hai lần trước khi cầm vũ khí đứng lên chống giặc, nhân dân Việt Nam phải tuyên chiến với kẻ thù. Lần thứ nhất, với những câu ngắn gọn nhưng quyết liệt, người anh hùng áo vải cờ đào Nguyễn Huệ đã tuyên bố: *"đánh cho để dài tóc, đánh cho để đen răng,...đánh cho Nam quốc anh hùng chi hữu chủ"* vào năm 1788. Lần thứ hai, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chủ tịch đã thay mặt quốc dân ra *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"* vào ngày 19/12/1946.

*"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"* có sức thuyết phục cao đối với dư luận trong và ngoài nước vì từ nội dung của lời kêu gọi đã toát ra những lý lẽ thể hiện chính nghĩa và lẽ phải của cả một dân tộc nhất tề đứng lên kháng chiến. Lời kêu gọi ấy có cơ sở lịch sử vững chắc đã được chính Hồ Chủ tịch đúc kết trong *Bản tuyên ngôn độc lập*, đồng thời tuyên bố trước quốc dân và thế giới ngay trong ngày 02/9/1945. Bản tuyên ngôn đã nêu lên các cơ sở lịch sử quan trọng:

- *"Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật đầu*

*hàng đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.";*

*- "Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.";*

*- "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập!";*

*- "Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập."*.

Mới chỉ sau gần 16 tháng hưởng độc lập, người dân Việt Nam đã phải đứng lên bảo vệ nền độc lập non trẻ. Lời kêu gọi Toàn quốc Kháng chiến đã nêu rõ lý do bắt buộc phải kháng chiến *"Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa"*. Đây là lý do xác đáng để tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới nguyên nhân mà Chính phủ buộc phải kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến.

Ngược thời gian trước đó: ngày 23/9/1945, tại Sài Gòn (nay là Tp. Hồ Chí Minh), do sự gây hấn của bọn thực dân núp bóng Đồng Minh, ông Trần Văn Giàu – Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ đã đọc *Lời kêu gọi* nhân dân Nam Bộ *"quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ độc lập của tổ quốc"*, *"Độc lập hay là chết"*. Lời kêu gọi này phát hiệu lệnh cho quân và dân Nam Bộ đứng lên chống giặc, bảo vệ độc lập dân tộc. Và như vậy, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp lần 2 không đợi đến ngày 19/12/1946 mới nổ ra mà có thể tính từ ngày 23/9/1945. Tiếng súng của bọn thực dân hiếu chiến bắn vào đoàn biểu tình ở Sài Gòn đã khơi mào cho một cuộc chiến đẫm máu ở Việt Nam. Chỉ sau hàng loạt những hoạt động ngoại giao của Chính phủ và Hồ Chủ tịch ở trong nước và tại Pháp với Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 và nhất là Tạm ước 14/9/1946, chiến sự mới tạm lắng.

Ngọn lửa kháng chiến được nhen nhóm từ ngày ấy đã bùng phát dữ dội ngay sau khi *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* được phát ra. Với tư cách là người đại diện nước Việt Nam mới, Hồ Chủ tịch đã chính thức phát động cuộc kháng chiến, huy động tất cả sức mạnh của một dân tộc vừa được tự do. Điều đó thể hiện qua lời hiệu triệu *"Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ,... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"*. Chính điều này đã thể hiện sự quyết đoán trong hành động khi buộc phải thực hiện trong giờ phút tổ quốc lâm nguy.

*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* không chỉ là một lời hịch kêu gọi toàn dân đứng lên giành độc lập mà còn là một *"văn kiện chính trị...nhằm phát động cuộc kháng chiến trên toàn quốc của nhân dân Việt Nam chống lại cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp."* [1]. Về đối nội, đây là lời hiệu triệu của người đứng đầu một nhà nước, một Chính phủ - cơ quan hành pháp cao nhất để kêu gọi toàn dân đứng lên chống ngoại xâm và cũng là chính thức ban bố tình trạng chiến tranh trên toàn quốc. Mặt khác, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* cũng chỉ rõ phương châm tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ *"toàn dân, toàn diện"*. Về đối ngoại, đây là lời "tuyên chiến" của một quốc gia với kẻ thù đang cố tìm cách thôn tính đất

nước mình. Do đó, việc xác định cơ sở pháp lý của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* ngày 19/12/1946 càng làm nổi bật tính chính nghĩa và tính hợp pháp của cuộc kháng chiến mà dân tộc ta đã giành thắng lợi sau chín năm gian khổ.

Cơ sở pháp lý của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* thể hiện dưới hai góc độ:

- Về tư cách phát ngôn, Hồ Chủ tịch là người đứng đầu cơ quan hành pháp cao nhất – Chính phủ, với tư cách là nguyên thủ, người đứng đầu cơ quan hành pháp của một quốc gia độc lập, có chủ quyền mà Người đã chính thức tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới.

- Về thẩm quyền ban hành, "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" được thực hiện dựa trên 02 cơ sở quy định trong Hiến pháp 1946 về quyền của người đứng đầu cơ quan hành pháp trong tình huống đặc biệt, khẩn cấp:

+ Điều 38: *"Khi Nghị viện không họp được, Ban Thường vụ cùng với Chính phủ có quyền quyết định tuyên chiến hay đình chiến"*;

+ Điều 49 (điểm k) về quyền hạn của Chủ tịch nước: *"tuyên chiến hay đình chiến theo như Điều 38 đã định"*.

Như vậy, tuy trong tình thế khẩn cấp, đặc biệt là "âm mưu đảo chính" của thực dân Pháp tại Thủ đô Hà Nội như đã thực hiện ở Hải Phòng, Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch vẫn thực hiện đúng quy trình và thẩm quyền luật định (như cách nói hiện nay), thể hiện một thái độ nghiêm túc, tính chuyên nghiệp trong hoạt động hành pháp của một nhà nước pháp quyền. Mặt khác, khi nói đến tính thuyết phục của "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" nói riêng và sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch nói chung, chính người Pháp ở Đông Dương lúc bấy giờ cũng đã nhận xét: *"Không ai chối cãi được rằng cái tính cách chân chính duy nhất là tính cách ông Hồ Chí Minh. Một giải pháp do ông Hồ đưa ra và đi đúng hướng dư luận quần chúng thì chắc chắn được quần chúng chấp nhận ngay. Không một lãnh tụ của một đảng phái nào có khả năng làm như vậy"*.

**2. Những cố gắng phi thường của cả một dân tộc**

Tính từ ngày tuyên bố độc lập, khai sinh ra nhà nước Việt Nam mới (02/9/1945) đến ngày bắt đầu Toàn quốc Kháng chiến (19/12/1946) chỉ hơn 01 năm, vậy mà Hồ Chí Minh đã có trên 1.300 hoạt động quan trọng tới ngày Toàn quốc Kháng chiến [2]. Tuy chỉ hơn một năm, nhưng đây là thời gian lịch sử vô cùng sôi động và khẩn trương. Mỗi ngày, mỗi giờ trôi qua đã để lại biết bao sự kiện quan trọng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong của chính quyền cách mạng và hướng đi của cuộc kháng chiến. Cũng chính ở giai đoạn lịch sử đầy cam go, thử thách này, thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện cụ thể, sinh động và trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Người đã sáng suốt, chủ động lựa chọn những đối sách đúng đắn nhằm giải quyết kịp thời, có hiệu quả những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp trong tình thế vận nước lâm nguy. Thái độ bình tĩnh trước những biến cố phức tạp cùng với sự khéo léo, linh hoạt đã giúp Người chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên. Nhưng nổi bật hơn cả là tấm lòng, ý chí mong muốn sống trong hoà bình và đòi hỏi phải được tôn trọng như một quốc gia độc lập, có chủ quyền, tha thiết và phấn đấu cho nguyện vọng đó, ngay sau ngày tuyên bố độc lập, Hồ Chí Minh đã từng:

- Gửi thư cho các nước Anh, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và cả các thành viên của Liên Hiệp Quốc nêu rõ thiện chí hoà bình, ý chí quyết chiến đấu và mong mỏi LHQ chấp nhận những yêu cầu chân chính của Việt Nam;

- Gửi đến Chính phủ, Quốc hội, Thủ tướng và cả những người cầm đầu của Pháp ở Đông Dương những thông điệp hoà bình, hữu nghị, tránh đổ máu. Đây là một nỗ lực phi thường đã được phản ánh qua hàng loạt các hoạt động ngoại giao, bằng nhiều kênh và phương thức giao tiếp khác nhau, qua nhiều đối tượng và bất kể thời giờ làm việc, miễn đạt được mục đích tối thượng là: *hoà hoãn để cứu vãn hoà bình và bảo vệ độc lập dân tộc*. Xin điểm qua vài hoạt động đó tính từ mốc Tạm ước 14/9/1946 [3]:

+ 15/9, 0 giờ 30, thống nhất và ký *Tạm ước* với Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Marius Moutet. 16 giờ, nhận lại bản *Tạm ước 14-9*;

+ 06/12, kêu gọi Quốc hội và Chính phủ Pháp *"Quốc hội và Chính phủ Pháp hãy nghĩ đến quyền lợi chung tối cao của hai dân tộc Pháp-Việt, hạ lệnh cho đương cục Pháp khôi phục tình trạng trước ngày 20-11-1946, để cùng Chính phủ Việt Nam thi hành Tạm ước, để xây đắp sự cộng tác Pháp - Việt thân thiện và lâu dài"*;

+ 07/12, gửi thông điệp hoà bình qua trả lời phóng viên *Báo Paris – Saigon*: *"Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hoà bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh... Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách. Chúng tôi tha thiết với nền độc lập,..."*;

+ 15/12, yêu cầu ông J. Sainteny chuyển tới Thủ tướng Pháp Georges Bidault một *Thông điệp* đề nghị một giải pháp làm hoà dịu tình hình;

+ 18/12/1946, thông qua Thứ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám trao tận tay cho J. Sainteny thư đề nghị: *"Trong khi chờ đợi quyết định của Pa-ri, tôi mong rằng ông sẽ cùng ông Hoàng Minh Giám tìm một giải pháp để cải thiện bầu không khí hiện tại"*. J. Sainteny hẹn hôm sau mới nhận thư, và đến ngày 20/12 mới chuyển về Paris. 16 giờ ngày 22/12 Paris mới nhận được [4]. Như vậy, mọi nỗ lực cứu vãn và duy trì hoà bình đều bị kẻ thù bác bỏ;

+ 19/12, sáng sớm, sau khi nhận được tối hậu thư thứ 3 trong ngày của Bộ Chỉ huy quân đội Pháp, Người gửi thư đề nghị J. Sainteny: *"Trong khi chờ đợi quyết định của Paris, tôi mong rằng ông sẽ cùng ông Giám tìm một giải pháp để cải thiện bầu không khí hiện tại"*.

Với biên niên sự kiện tóm tắt trên, đặc biệt là cố gắng cuối cùng vào ngay ngày 19/12 đã bị phía Pháp khước từ, có thể thấy được những nỗ lực to lớn, những cố gắng phi thường của cả một dân tộc để cứu vãn hòa bình. Trong khoảng thời gian gần 100 ngày (từ sau Tạm ước 14/9 đến 19/12/1946), Chính phủ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đứng đầu bằng mọi cách có thể đã cố gắng gìn giữ nền hoà bình mong manh để có được thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

Ngày nay, sau 65 năm kể từ ngày Hồ Chủ tịch ra *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"*, thời gian đã có thể làm phai nhoà những vết thương của chiến tranh nhưng chắc chắn những trang sử vẻ vang của những ngày Toàn quốc Kháng chiến năm 1946 sẽ mãi ghi dấu trong lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam./.

---

[1] *Bachkhoatoanthu.gov.vn*

[2, 3] *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử Tập 3. Viện Hồ Chí Minh. Nxb CTQG, Hn, 2006.*

[4] *Theo Philippe Dellivers. Sdd. Tr 404.*